ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ NGỌC LẶC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 250 /KH-UBND	*Ngọc Lặc, ngày 02 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn xã Ngọc Lặc năm 2027

Căn cứ Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số; Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển Chính phủ số; Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 266-KH/TU, ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 29/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2026; Thực hiện Kế hoạch số 282/KH-UBND ngày 04/8/2026 của UBND Tỉnh Thanh Hóa về Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045.

Thực hiện Công văn số 20165/UBND-NNMT, ngày 23/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2027 trên địa bàn tỉnh;

Ủy ban nhân dân xã Ngọc Lặc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2027, với các nội dung sau:

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026
I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

Trong năm 2026, công tác chuyển đổi số của xã Ngọc Lặc được triển khai gắn với thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, cải cách hành chính, Đề án 06, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã và nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính, tiếp cận dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp.

UBND xã đã phân công 01 công chức phụ trách chuyển đổi số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch của cấp trên. Đối với các nhiệm vụ liên quan Nghị quyết số 57-NQ/TW, xã đã thực hiện 34/34 nhiệm vụ theo nội dung được giao, góp phần tạo nền tảng cho việc tổ chức thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn.

Trong hoạt động của cơ quan nhà nước, 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản phục vụ công việc; cơ bản bảo đảm máy tính, mạng nội bộ và kết nối Internet. Việc sử dụng chữ ký số cá nhân được triển khai; hồ sơ, văn bản đủ điều kiện được xử lý trên môi trường điện tử. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến tiếp tục được duy trì, góp phần giảm thời gian, chi phí đi lại và nâng cao khả năng phục vụ người dân.

Cơ sở hạ tầng số từng bước được duy trì, khai thác phục vụ hoạt động của chính quyền và công tác thông tin, tuyên truyền ở cơ sở. Hệ thống thông tin, truyền thanh và các kênh thông tin trực tuyến được sử dụng để truyền tải chủ trương, chính sách, hướng dẫn người dân tiếp cận các dịch vụ số.

Việc khai thác, cập nhật dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước bước đầu được quan tâm, nhất là dữ liệu liên quan đến dân cư, thủ tục hành chính, an sinh xã hội, y tế, bảo hiểm và định danh điện tử. Tuy nhiên, một số cơ sở dữ liệu vẫn còn phụ thuộc vào hệ thống dùng chung và yêu cầu cập nhật, đồng bộ của cấp trên.

Đối với công tác an sinh xã hội, dữ liệu đối tượng được rà soát, cập nhật và thực hiện chi trả qua phương thức phù hợp theo hướng số hóa. Các số liệu trong quá trình thực hiện năm 2026 cần tiếp tục được đối chiếu, chốt theo từng nhóm đối tượng và thời điểm báo cáo để bảo đảm thống nhất giữa hồ sơ quản lý và số liệu tổng hợp.

Xã đã duy trì 22/22 Tổ công nghệ số cộng đồng theo đơn vị thôn, từng bước phát huy vai trò tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số. Một bộ phận người dân đã hình thành thói quen sử dụng Internet, điện thoại thông minh và tài khoản thanh toán.

Công tác triển khai Đề án 06 được thực hiện với Công an xã là lực lượng thường trực, trực tiếp triển khai; Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn và thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng. Việc sử dụng VNeID và các tiện ích định danh điện tử tiếp tục được tuyên truyền, hỗ trợ.

Đối với kinh tế số, xã bước đầu hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã và người dân tiếp cận thanh toán số, quảng bá sản phẩm, nền tảng số và thương mại điện tử. Tuy nhiên, việc lượng hóa số cơ sở kinh doanh tham gia và mức độ sử dụng nền tảng số chưa đầy đủ, cần tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu và phương pháp theo dõi trong năm 2027.

Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện thông qua hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, nhóm Zalo ở thôn, hội nghị, sinh hoạt cộng đồng và hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng. Nội dung tuyên truyền từng bước chuyển từ phổ biến khái niệm sang hướng dẫn người dân sử dụng các tiện ích cụ thể.

Về nhân lực và nhận thức số, cán bộ, công chức từng bước nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm, chữ ký số và các nền tảng phục vụ công việc. Người dân được tiếp cận các nội dung về dịch vụ công trực tuyến, VNeID, thanh toán số, kỹ năng số và an toàn trên môi trường mạng.

Về kinh phí, Năm 2026, UBND xã đã bố trí, lồng ghép kinh phí thực hiện chuyển đổi số với tổng kinh phí khoảng 420 triệu đồng; việc quản lý, sử dụng kinh phí được thực hiện theo quy định, bảo đảm công khai, tiết kiệm, hiệu quả.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát

a) Kết quả đạt được

UBND xã đã quan tâm chỉ đạo triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính, Đề án 06, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Các nhiệm vụ được giao cho các phòng chuyên môn và đơn vị liên quan; Phòng Văn hóa - Xã hội là đầu mối tham mưu, theo dõi, đôn đốc tổng hợp nhiệm vụ chuyển đổi số.

UBND xã duy trì chế độ theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện; lồng ghép nhiệm vụ chuyển đổi số trong các cuộc họp giao ban và hoạt động chuyên môn.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc theo dõi một số nhiệm vụ chưa được lượng hóa đầy đủ theo sản phẩm và tiến độ; công tác kiểm tra tại cơ sở có lúc chưa thường xuyên.

c) Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

Cần tăng cường cơ chế giao nhiệm vụ trên cơ sở xác định rõ đầu mối, sản phẩm và thời hạn hoàn thành; định kỳ rà soát kết quả để kịp thời xử lý nhiệm vụ chậm tiến độ.

2. Thể chế, chính sách số

a) Kết quả đạt được

Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng và ban hành đầy đủ các văn bản, kế hoạch hành động cụ thể cho từng giai đoạn để tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho chuyển đổi số.

Duy trì Báo cáo hàng ngày trên hệ thống thông tin giám sát đánh giá việc thực hiện nghị quyết 57-NQ/TW hoàn thành 34/34 nhiệm vụ được giao.

Chú trọng đầu tư hạ tầng số để hiện đại hóa hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin, đặc biệt là các nền tảng số và hạ tầng viễn thông; Tổ chức hội nghị, hội thảo, chương trình về chuyển đổi số; Thiết lập các chuyên trang, chuyên mục về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của xã, truyên truyền trên hệ thống truyền thanh.

b) Tồn tại, hạn chế

Khung pháp lý, cơ chế, chính sách cho chuyển đổi số chưa kịp thời, không theo kịp sự phát triển của thực tiễn; Một số doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nhỏ và vừa chưa quan tâm, đầu tư vào chuyển đổi số, ứng dụng thương mại điện tử; Công tác tuyên truyền, tập huấn về chuyển đổi số chưa đạt hiệu quả cao, đặc biệt với các doanh nghiệp.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

Hệ thống hạ tầng số đã có trang thiết bị CNTT tại cơ quan đảng, chính quyền ngoài việc kết nối mạng LAN đến 100% máy tính của từng cán bộ, công chức thì còn có các điểm phát Wifi miễn phí cho người dân tra cứu TTHC và truy cập các ứng dụng khác. Có điểm phát wifi công cộng tại 22 nhà văn hóa thôn và địa điểm quan trọng trong xã như: (tại UBND xã, bưu điện văn hoá, …).

Trên địa bàn xã hiện có 03 nhà mạng (VNPT, Viettel, FPT) phủ sóng di động 4G, 5G đến 100% thôn và trung tâm xã.

Hệ thống Internet cáp quang đã đến 100% hộ dân, trong đó 100% cơ quan, trường học, trạm y tế có kết nối mạng ổn định.

Trụ sở UBND xã đã trang bị 42 bộ máy tính cho cán bộ, công chức, đảm bảo 100% cán bộ, công chức có máy tính để làm công việc.

100% cán bộ, công chức, viên chức làm việc trên môi trường mạng.

Trang thiết bị trình chiếu, hội nghị trực tuyến đảm bảo kết nối thông suốt với tỉnh và Trung ương.

Thiết bị mạng, hạ tầng nội bộ của UBND xã được lắp đặt đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn, đảm bảo công tác thực hiện chuyên môn và chuyển đổi số.

Trang bị đầy đủ trang thiết bị tại Trung tâm phục vụ hành chính công, công khai đầy đủ thủ tục hành chính, chữ ký số đầy đủ.

b) Tồn tại, hạn chế

Kỹ năng CNTT của người dân hạn chế, khiến cho khả năng tiếp cận dịch vụ hành chính công trên môi trường số gặp nhiều khó khăn.

Hệ thống truyền thanh chưa kết nối 3 đài cũ với nhau chưa thuận tiện trong công tác tuyên truyền.

4. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được

Cử công chức, viên chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản về chuyển đổi số, thương mại điện tử. Xử lý văn bản không giấy tờ, họp không gặp mặt, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính không tiếp xúc; thông tin không nhập nhiều lần; thanh toán không dùng tiền mặt.

100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản.

Hiện tại địa phương đã bố trí 01 cán bộ phụ trách CNTT và 01 chuyên viên phụ trách chuyển đổi số, tuy nhiên chưa được đào tạo chuyên sâu về CNTT. Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân lực chuyển đổi số đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. UBND xã đã chỉ đạo cán bộ công chức không ngừng học hỏi, tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn mới.

Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản và điều hành Tỷ lệ văn bản đi được ký số trên hệ thống đạt 99.8%. 100% hồ sơ công việc tại cấp

xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

100 % cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng số 42/42 cán bộ, công chức, viên chức đã tham gia khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng số trên nền tảng trực tuyến OneTouch tại địa chỉ https://onetouch.mic.gov.vn.

- 100% thôn đã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng (gồm 22 Tổ công nghệ số cộng đồng với 73 thành viên).

b) Tồn tại, hạn chế

Một bộ phận nhỏ cán bộ, công chức xã chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng và sự cần thiết của chuyển đổi số, còn giữ tư duy làm việc truyền thống, ngại thay đổi.

Hạn chế về nguồn lực tài chính, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin để triển khai các chương trình bồi dưỡng và nâng cao năng lực số một cách hiệu quả.

Thiếu hụt nhân lực có kỹ năng số chuyên sâu như chưa có bằng công nghệ thông tin để triển khai chuyển đổi số.

Chưa bố trí được công chức có trình độ chuyên môn về CNTT phụ trách chuyển đổi số.

Tổ công nghệ số cộng đồng chủ yếu do các đồng chí lãnh đạo thôn đã cao tuổi làm tổ trưởng, bí thư các chi đoàn còn thiếu khuyết, di biến động thường xuyên, việc tiếp cận sử dụng điện thoại thông minh, thiết bị thông minh, các ứng dụng thông minh còn chậm, chưa đạt hiệu quả trong việc hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân.

5. Phát triển dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

Đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Thực hiện khai thác, tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, không yêu cầu người dân xuất trình giấy xác nhận thông tin cư trú, thông báo số định danh cá nhân khi tiếp nhận, giải quyết các TTHC, dịch vụ công. Tích hợp, chia sẻ dữ liệu; mở rộng kết nối với CSDL của các bộ ngành, các phần mềm dùng chung của Tỉnh.

UBND xã đã tổ chức triển khai làm sạch dữ liệu đất đai trên địa bàn xã. Dữ liệu được tạo lập phải tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" để có thể tái sử dụng, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, cắt giảm thủ tục hành chính. Đã làm sạch được 7.511/7.976 = 94,17%.

CSDL đối tượng trợ giúp xã hội:

- Đã thực hiện chi trả 100% trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng Bảo trợ xã hội qua tài khoản và quản lý trên phần mềm cơ sở trợ giúp xã hội, vẫn đang duy trì thực hiện tăng giảm hàng tháng.

- Tính đến tháng 10/2026, toàn xã có 1.827 đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng và 224 người có công trên địa bàn xã. Đã mở tài khoản và chi trả qua tài khoản đạt 100%.

- Thực hiện chi trả mai táng phí trên hệ thống dữ liệu đạt 100%.

CSDL người khuyết tật:

Đã cập nhật 729/729 đối tượng trên hệ thống phần mềm, đạt 100%; đang tiếp tục rà soát, làm sạch dữ liệu và cập nhật tăng, giảm đối tượng trên phần mềm. Đồng thời chờ cấp trên đồng bộ với C06 của Bộ Công an để đối soát, kiểm tra thông tin.

CSDL người làm công tác xã hội:

Đã cập nhật người làm công tác xã hội trên hệ thống phần mềm: 02 người/xã theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Thanh Hóa. Tạo tài khoản, phân quyền và hướng dẫn các cơ sở giáo dục trên địa bàn cập nhật người làm công tác xã hội trên hệ thống 02/02 trường đã cập nhật, đạt 100%.

CSDL quản lý trẻ em:

- Đã hoàn thiện làm sạch dữ liệu cơ sở quản lý trẻ em trên hệ thống; cập nhật 8.669 trẻ em, trong đó có 117 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và 335 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Hiện nay đã được đồng bộ với dữ liệu C06 của Bộ công an, đang thực hiện làm sạch dữ liệu, đối soát dữ liệu phần mềm với dữ liệu Công an quản lý.

- Tiếp tục duy trì phối hợp với Công an xã, Chuyên viên phụ trách Tư pháp - Hộ tịch để cập nhật tăng, giảm và biến động trẻ em theo văn bản chỉ đạo của cấp trên.

CSDL về an toàn thực phẩm:

- Đã tham mưu ban hành Kế hoạch, thành lập tổ công tác, phân công nhiệm vụ tổ đầu mối phụ trách.

- Lấy các dữ liệu của các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã để cập nhật lên hệ thống CSDL an toàn thực phẩm theo quy định, sẽ cập nhật lên hệ thống dữ liệu khi Chi cục An toàn thực phẩm tạo lập được dữ liệu phần mềm.

- Đã triển khai đến các tổ đầu mối phụ trách các biểu mẫu để thực hiện cập nhật thông tin.

CSDL Trạm y tế tham mưu, thực hiện hiện gồm:

- Trạm Y tế đã ban hành kế hoạch, thông báo triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến rà soát, cập nhật, làm sạch và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu.

- Đã phân công cán bộ phụ trách từng cơ sở dữ liệu, bảo đảm rõ người, rõ nhiệm vụ và trách nhiệm trong quá trình thực hiện.

- Thực hiện kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị trên địa bàn xã đến ngày 01/10/2026 Công tác theo dõi, cập nhật các nghị quyết chiến lược và Kế hoạch số 12/BCĐ với 69 nhiệm vụ, hoàn thành 52 nhiệm vụ, còn 17 nhiệm vụ đang thực hiện không có nhiệm vụ quá hạn.

b) Tồn tại, hạn chế

Hạ tầng chưa đồng bộ, gây khó khăn trong kết nối dữ liệu.

Các dữ liệu trên hệ thống chưa đồng bộ sai sót nên vẫn gây khó khăn trong công tác làm sạch dữ liệu.

Công việc chuyển đổi số còn kiêm nhiệm và chưa được ưu tiên đúng mức.

Thiếu kinh phí đầu tư cho phần mềm, thiết bị và các dịch vụ công nghệ, ngân sách xã còn hạn hẹp, không đủ để đáp ứng nhu cầu dài hạn.

Một bộ phận người dân còn quen với cách làm việc thủ công, ngại sử dụng công nghệ, chưa tích cực hưởng ứng.

6. An ninh mạng

a) Kết quả đạt được

Hệ thống 42/42 máy tính làm việc của cán bộ công chức, viên chức xã đã được cài đặt phần mềm diệt virut. Xây dựng phương án bảo đảm hệ thống thông tin theo cấp độ, xây dựng quy chế hoạt động và đã được cấp trên phê duyệt. Cử cán bộ công chức tham gia các lớp tập huấn diễn tập an toàn thông tin mạng.

Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

b) Tồn tại, hạn chế

Xã chưa có kinh phí đầu tư nâng cấp đồng bộ các máy tính mới của cán bộ công chức, viên chức

7. Chính phủ số, chính quyền số

a) Kết quả đạt được

Kết quả tiếp nhận và xử lý hồ sơ hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã: Tiếp nhận tổng số 11.016 hồ sơ, đã giải quyết xong 10.991 hồ sơ. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn 10.854 hồ sơ (đạt 98,75%).

Công tác số hóa tài liệu: Tỷ lệ hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC được số hóa đạt tỷ lệ 100% (2.830/2.830 hồ sơ). Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt 100% (2.900/2.900 hồ sơ).

Chỉ số công khai, minh bạch thông tin và chỉ số số hóa hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công đều đạt điểm số tối đa: Công khai minh bạch đạt 18/18 điểm tuyệt đối, số hóa hồ sơ đạt 22/22 điểm.

Tuyên truyền, hướng dẫn hỗ trợ người dân đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID) để thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự theo nhiệm vụ Đề án 06. Kết quả kích hoạt tài khoản định danh điện tử được xác thực trên ứng dụng VNeID mức 2 là 26.300/29.994 đạt 87,7%.

b) Tồn tại, hạn chế

Dữ liệu chưa được kết nối và liên thông một cách đồng bộ giữa các cơ quan, làm giảm hiệu quả hoạt động của Chính phủ số.

Khung pháp lý, cơ chế vận hành cho Chính phủ số vẫn chưa hoàn thiện, gây khó khăn trong việc triển khai

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1. Kết quả đạt được

a. Kinh tế số

Tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác. Hầu hết các hộ kinh doanh thanh toán không dùng tiền mặt qua Internet Mobile Banking.

Hiện nay, xã đang triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. 100% cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện việc chi trả lương qua tài khoản. Tích cực triển khai chi trả lương hưu, trợ cấp, bảo trợ xã hội,… qua tài khoản. Các trường triển khai thu nộp học phí không dùng tiền mặt.

Về phát triển Doanh nghiệp số: Thực tế, các doanh nghiệp số tại xã đang rất hạn chế. Việc ứng dụng các nền tảng số vào quản lý, sản xuất kinh doanh cũng đang hạn chế, tập trung chỉ ở hoạt động quảng bá sản phẩm trên Website, mạng xã hội, thanh toán không dùng tiền mặt.

100% các doanh nghiệp trên địa bàn xã đã kết nối và sử dụng Internet phục vụ công việc với mục đích chủ yếu là tìm kiếm thông tin và trao đổi thông tin. Một số nền tảng phổ biến được các doanh nghiệp khai thác như: Office, Misa, BKav, Vexere,….

UBND xã đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp với VNPT Thanh Hóa hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh cá thể tham gia sàn giao dịch điện tử nông sản Thanh Hóa, đưa các sản phẩm của xã lên sàn giao dịch điện tử Thanh Hóa,….; hỗ trợ cung cấp tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm OCOP của xã.

Có 60/60 doanh nghiệp sử dụng nền tảng số trong sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử đạt 100 %;

b. Xã hội số

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm.

Dân số 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng là 20.200/22.956 đạt 87,9%

Các trường trên địa bàn sử dụng các phần mềm để quản lý dạy học như: Phần mềm cơ sở dữ liệu, phần mềm Phổ cập GD-XMC…Sử dụng các phần mềm để tổ chức dạy học trực tuyến như: qua hệ thống LMS, Zoom, Microsoft team, sử dụng học bạ điện tử, sổ liên lạc, sổ điểm điện tử…Các trường và trạm y tế. tiếp tục sử dụng các hệ thống phần mềm quản lý trong các cơ sở giáo dục như Edu.

Số người được tạo sổ sức khỏe điện tử 35.200/38.127 đạt 92,3%

100% giao dịch hành chính, thu phí, lệ phí được khuyến khích không dùng tiền mặt.

Đạt 50% giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng TMĐT có hóa đơn điện tử.

Đạt 80% website TMĐT có tích hợp chức năng đặt hàng trực tuyến.

Đạt 50% doanh nghiệp có xây dựng website riêng, cập nhật định kỳ thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp; sử dụng website thương

mại điện tử để mua bán các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch TMĐT.

Tổ chức tuyên truyền phổ biến các lợi ích của việc sử dụng chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động thương mại điện tử; ứng dụng chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử trong kinh doanh điện tử giữa các doanh nghiệp, ứng dụng các công nghệ bảo mật tiên tiến để thông tin trao đổi trên môi trường mạng internet được đảm bảo an toàn; hỗ trợ các doanh nghiệp tích hợp phần mềm thanh toán trực tuyến.

8.2. Tồn tại, hạn chế

a. Về kinh tế số

Quy mô doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh nên việc lựa chọn giải pháp chuyển đổi số trong doanh nghiệp, việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh còn chưa được các doanh nghiệp quan tâm triển khai thực hiện vì phải phát sinh đầu tư chi phí và nhân lực quản lý sử dụng.

Trên địa bàn xã chưa có các đơn vị, doanh nghiệp chuyên nghiên cứu phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Việc kêu gọi đầu tư về KHCN còn gặp nhiều khó khăn, Các doanh nghiệp chưa thực sự mạnh dạn đầu tư nghiên cứu và phát triển về công nghệ, do lo ngại rủi ro và chưa thấy rõ lợi ích.

b. Về xã hội số

Tỷ lệ người dân tiếp cận và sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán các dịch vụ cơ bản (điện, nước, giáo dục, y tế) còn thấp, giao dịch trên sàn thương mại điện tử hạn chế.

Tâm lý chưa thực sự muốn tiếp cận với cái mới và trình độ sử dụng các ứng dụng CNTT phục vụ người dân nên nhiều ứng dụng được triển khai nhưng hiệu quả chưa cao như: phần mềm VneID (quản lý thông tin cá nhân); dịch vụ công trực tuyến…

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo đảm an ninh mạng

a) Kết quả đạt được

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 06/7/2026 về việc Triển khai cấp chữ ký số công cộng, cài App ThanhHoa thực hiện Mô hình Công dân số năm 2026 xã Ngọc Lặc; Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 18/7/2026 Về việc thành lập Tổ công tác triển khai "Chiến dịch chuyển đổi số trong việc tích hợp các thông tin trên ứng dụng VNeID" trên địa bàn xã Ngọc Lặc năm 2026. Cán bộ xã cùng với tổ công nghệ số đi từng ngõ, gõ từng nhà để hỗ trợ bà con nhân dân tích hợp các chức năng trên VNeID.

UBND xã tổ chức phát động phong trào toàn dân học tập số và hưởng ứng ngày chuyển đổi số, phát động tuần lễ học tập suốt đời vào ngày 30/9/2026. Triển khai trên tất cả các thôn thuộc địa bàn xã hướng dẫn người dân các nội dung liên quan đến chuyển đổi số tại nhà văn hóa các thôn.

UBND xã thành lập 22 Tổ công nghệ số cộng đồng đi từng ngõ gõ từng nhà, tuyên truyền vận động nhân dân trên địa bàn xã các kỹ năng số cơ bản. Phòng Văn hoá phối hợp với hội phụ nữ thành lập mô hình "công dân số, gia đình số, chi hội số". Áp dụng xây dựng mô hình giáo dục linh hoạt, cho phép học tập mọi lúc mọi nơi, người dân học hỏi, được hướng dẫn từ Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập ở các thôn trên địa bàn xã, phát triển khả năng tự học cho người học.

Sử dụng các kênh nội bộ như email, hòm thư điện tử mạng nội bộ, các ứng dụng làm việc nhóm để cập nhật thông tin thường xuyên.

Sử dụng các kênh đa dạng như website, mạng xã hội, báo chí để truyền tải thông điệp về những thay đổi tích cực và lợi ích của chuyển đổi số.

Phát triển các nội dung dưới nhiều định dạng (video, bài viết) để thu hút sự chú ý của công chúng, thể hiện các kết quả tích cực của quá trình chuyển đổi.

b) Tồn tại, hạn chế

Một bộ phận người dân, đặc biệt là người trên 50 tuổi chưa thành thạo sử dụng thiết bị điện thoại thông minh, sử dụng các phần mềm số và chưa nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số trong cuộc sống hiện tại và tương lai.

Sự e ngại thay đổi thói quen làm việc cũ là một rào cản lớn, đặc biệt đối với những cá nhân đã quen với quy trình truyền thống. Đây là một trong những khó khăn lớn nhất trong quá trình chuyển đổi số.

Trong bối cảnh số hóa, việc bảo vệ dữ liệu và chống tin giả là một thách thức lớn đối với công tác truyền thông.

10. Kinh phí thực hiện

UBND xã rà soát kinh phí chuyển đổi số năm 2026, kinh được phân bổ là 420 triệu đồng. Việc mua sắm, nâng cấp thực hiện theo quy định, bảo đảm công khai, tiết kiệm và hiệu quả. Dự kiến đạt 100% vào tháng 10/2026 hoàn thành chi cho kinh phí chuyển đổi số.

PHẦN II
KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2027

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn xã Ngọc Lặc, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền số, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; tăng cường quản trị, khai thác và tái sử dụng dữ liệu; duy trì hạ tầng số, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân; phát triển kỹ năng số, kinh tế số và xã hội số phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

2. Mục tiêu cụ thể

Duy trì nền nếp xử lý công việc trên môi trường điện tử, sử dụng chữ ký số, hệ thống quản lý văn bản và các nền tảng dùng chung; nâng cao chất lượng cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Chuẩn hóa, cập nhật và khai thác các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; tăng khả năng tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết công việc và phục vụ người dân.

Duy trì 22/22 Tổ công nghệ số cộng đồng, nâng cao chất lượng hoạt động, ưu tiên hỗ trợ trực tiếp người dân tại thôn.

Nâng cao kỹ năng số của cán bộ, công chức và người dân; từng bước đưa công cụ trí tuệ nhân tạo vào hỗ trợ công việc phù hợp, bảo đảm an toàn và đúng quy định.

Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và quảng bá sản phẩm địa phương trên môi trường số.

Tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, đo lường và đánh giá kết quả chuyển đổi số bằng các chỉ tiêu có đơn vị tính, mẫu số và bằng chứng kiểm chứng rõ ràng.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2027

100% cán bộ, công chức được cấp và duy trì tài khoản trên các hệ thống dùng chung phục vụ công việc.

100% cán bộ, công chức thuộc diện sử dụng được duy trì chữ ký số cá nhân.

100% văn bản, hồ sơ công việc đủ điều kiện được xử lý trên môi trường điện tử, trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

100% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc phạm vi cung cấp được số hóa theo quy định.

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết đúng hạn đạt từ 99% trở lên.

100% nhiệm vụ chuyển đổi số được giao có đơn vị chủ trì, thời hạn và sản phẩm đầu ra cụ thể.

100% dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được cập nhật, rà soát theo yêu cầu của hệ thống chuyên ngành.

Duy trì 22/22 Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động; các tổ được hướng dẫn và có minh chứng hoạt động.

100% cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số phù hợp vị trí việc làm; phấn đấu ít nhất 80% được hướng dẫn sử dụng công cụ AI phù hợp công việc.

100% máy tính, thiết bị phục vụ công việc được rà soát, cài đặt biện pháp bảo vệ theo hướng dẫn và sử dụng phần mềm có bản quyền/được phép sử dụng.

100% sự cố, nguy cơ mất an toàn thông tin được tiếp nhận, xử lý hoặc phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

Hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng đạt trên 80%.

Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán hoặc phương thức thanh toán hợp lệ đạt trên 85%.

Tỷ lệ người dân đủ điều kiện được hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng VNeID và dịch vụ công trực tuyến đạt từ 80% trở lên trong nhóm có nhu cầu.

Tỷ lệ người dân đủ điều kiện được hướng dẫn, hỗ trợ tiếp cận các tiện ích số về y tế, giáo dục, bảo hiểm, an sinh xã hội đạt từ 80% trở lên trong nhóm có nhu cầu.

Tỷ lệ hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã được tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng nền tảng số và thanh toán không dùng tiền mặt đạt từ 80% trở lên trong nhóm có nhu cầu.

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được tuyên truyền, tập huấn hoặc hướng dẫn kỹ năng số cơ bản đạt từ 80% trở lên.

Duy trì thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; phấn đấu tối thiểu 48 tin/bài/năm và ít nhất 4 hoạt động tuyên truyền trực tiếp.

Tỷ lệ người dân đánh giá hài lòng đối với việc cung cấp dịch vụ số và thủ tục hành chính đạt từ 95% trở lên.

100% phản ánh, kiến nghị liên quan dịch vụ số thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, phân loại và xử lý hoặc chuyển xử lý theo quy định

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát chuyển đổi số

Tiếp tục quán triệt, triển khai đầy đủ các chủ trương, nghị quyết, chương trình, kế hoạch về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Gắn nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính, Đề án 06 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đối với từng nhiệm vụ phải xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời hạn và sản phẩm đầu ra; định kỳ kiểm tra, đánh giá tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn.

2. Hoàn thiện tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp

Rà soát, phân định rõ trách nhiệm giữa Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND-UBND, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công, Phòng Kinh tế, Công an xã và các đơn vị liên quan. Không giao một đơn vị thực hiện toàn bộ các khâu kỹ thuật hoặc nhiệm vụ không thuộc chức năng; bảo đảm phối hợp nhưng có đầu mối chịu trách nhiệm đến cùng đối với từng nhiệm vụ.

3. Triển khai các nhiệm vụ về KHCN, đổi mới sáng tạo

Khuyến khích sáng kiến cải tiến trong cán bộ, công chức và Nhân dân; lựa chọn các sáng kiến có khả năng áp dụng vào giải quyết thủ tục hành chính, quản lý dữ liệu, tuyên truyền, sản xuất và kinh doanh để triển khai phù hợp. Từng bước xây dựng, cập nhật các danh mục dữ liệu phục vụ quản lý hộ gia đình, đất đai, an sinh xã hội, hộ nghèo, hộ kinh doanh và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý.

4. Duy trì, nâng cấp hạ tầng số

Rà soát máy tính, thiết bị, mạng LAN, Internet và các thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan; kịp thời sửa chữa, thay thế thiết bị không đáp ứng yêu cầu. Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông mở rộng, nâng cao chất lượng 4G/5G và Internet băng rộng đến các thôn; bảo đảm kết nối ổn định cho hoạt động chính quyền số và người dân. Phối hợp duy trì kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng theo hệ thống, hướng dẫn của cấp trên.

5. Phát triển nhân lực số và kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo

Tổ chức tập huấn theo nhu cầu thực tế, ưu tiên kỹ năng sử dụng hệ thống dùng chung, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến, bảo vệ dữ liệu và kỹ năng sử dụng công cụ AI hỗ trợ công việc. Thực hiện theo phương châm hướng dẫn thực hành trực tiếp, dễ hiểu, có tài liệu minh họa. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của 22 tổ công nghệ số cộng đồng.

6. Chuẩn hóa, cập nhật và khai thác dữ liệu

Rà soát các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; cập nhật đúng, đủ, kịp thời theo hướng dẫn của hệ thống chuyên ngành. Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã có, hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã được số hóa và có thể khai thác hợp pháp. Thực hiện chế độ báo cáo điện tử và đồng bộ dữ liệu theo hệ thống dùng chung.

7. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và phòng ngừa lừa đảo số

Rà soát tài khoản, thiết bị và quyền truy cập; thực hiện các biện pháp bảo vệ theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Tăng cường tuyên truyền nhận diện lừa đảo trực tuyến, bảo vệ tài khoản, mật khẩu, mã xác thực và dữ liệu cá nhân. Khi phát sinh sự cố, thực hiện tiếp nhận, cô lập, báo cáo và phối hợp xử lý theo đúng thẩm quyền.

8. Phát triển chính quyền số và nâng cao chất lượng phục vụ

Duy trì xử lý công việc trên môi trường điện tử; sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử công vụ, chữ ký số, hội nghị trực tuyến và các nền tảng dùng chung. Trung tâm Phục vụ hành chính công tập trung nâng cao chất lượng tiếp nhận, số hóa và trả kết quả thủ tục hành chính; tăng cường hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến. Văn phòng HĐND-UBND chủ trì các nhiệm vụ về quản lý văn bản, hồ sơ công việc và điều hành điện tử. Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu chung về chuyển đổi số.

9. Thúc đẩy kinh tế số

Phòng Kinh tế chủ trì phối hợp hướng dẫn hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt, quảng bá sản phẩm và thương mại điện tử. Từng bước xây dựng phương án quảng bá sản phẩm địa phương trên các nền tảng phù hợp. Khuyến khích tổ chức hoạt động giới thiệu sản phẩm, kỹ năng bán hàng số và thanh toán số.

10. Phát triển xã hội số, công dân số

Hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số và các tiện ích số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, an sinh xã hội. Phát huy 22 tổ công nghệ số cộng đồng làm lực lượng hỗ trợ tại thôn, ưu tiên nhóm người cao tuổi, người ít sử dụng công nghệ và nhóm có nhu cầu hỗ trợ trực tiếp.

11. Tăng cường thông tin, tuyên truyền và tạo đồng thuận

Duy trì chuyên mục, tin, bài và các hình thức truyền thông về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; nội dung phải ngắn gọn, dễ hiểu, gắn với tình huống người dân thường gặp. Tổ chức tuyên truyền trực tiếp tại thôn, trường học, đoàn thể; khuyến khích xây dựng và nhân rộng mô hình, sáng kiến số có hiệu quả.

12. Theo dõi, đo lường và đánh giá kết quả

Thực hiện chế độ theo dõi định kỳ theo Bộ chỉ tiêu tại Phụ lục II. Mỗi chỉ tiêu phải xác định đơn vị tính, mẫu số, thời điểm chốt số liệu và tài liệu minh chứng. Kết quả thực hiện được tổng hợp phục vụ báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết và làm căn cứ điều chỉnh nhiệm vụ khi cần thiết.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, dự toán được cấp có thẩm quyền giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; đồng thời lồng ghép với kinh phí thực hiện cải cách hành chính, Đề án 06, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các chương trình, nhiệm vụ có liên quan. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm và hiệu quả.

Các đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng nhu cầu kinh phí, gửi bộ phận có thẩm quyền tổng hợp, tham mưu bố trí theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã

Chỉ đạo chung; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên lĩnh vực; định kỳ nghe báo cáo tiến độ và kết quả.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

Là đầu mối tham mưu UBND xã về chuyển đổi số; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo; tham mưu tuyên truyền, phát triển kỹ năng số, xã hội số; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Đề án 06 theo chức năng; theo dõi hoạt động của 22 tổ công nghệ số cộng đồng.

3. Văn phòng HĐND và UBND.

Chủ trì các nhiệm vụ về quản lý văn bản, hồ sơ công việc, thư điện tử công vụ, chữ ký số, điều hành điện tử và các hệ thống phục vụ hoạt động của UBND xã; phối hợp số hóa, lưu trữ và khai thác hồ sơ theo quy định.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công

Chủ trì tiếp nhận, hướng dẫn, số hóa và trả kết quả thủ tục hành chính; nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến; theo dõi mức độ hài lòng và phản ánh, kiến nghị liên quan dịch vụ công thuộc phạm vi xử lý.

5. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công

Phối hợp thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ số; duy trì nội dung tuyên truyền về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên các kênh được giao; phối hợp các hoạt động hỗ trợ cộng đồng.

6. Phòng Kinh tế

Chủ trì tham mưu phát triển kinh tế số; hướng dẫn hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng nền tảng số, thanh toán số, thương mại điện tử và quảng bá sản phẩm; phối hợp xây dựng mô hình kinh tế số phù hợp địa phương.

7. Công an xã

Chủ trì, trực tiếp triển khai các nhiệm vụ Đề án 06 theo chức năng; phối hợp về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử, VNeID và phòng ngừa tội phạm, lừa đảo trên môi trường mạng. Đối với an toàn thông tin kỹ thuật, phối hợp với cơ quan chuyên môn và đơn vị quản trị hệ thống theo thẩm quyền, không thay thế trách nhiệm kỹ thuật của đơn vị chuyên trách.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã

Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên mình tham gia thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn.

Tích cực tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các Hội viên và các tầng lớp Nhân dân biết cách sử dụng mạng xã hội; các dịch vụ thanh toán điện tử, chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến, hệ thống tương tác giữa chính quyền và người dân.

Tham gia tích cực Tổ công nghệ số cộng đồng thôn, tham gia hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ về chính quyền điện tử: Xây dựng các mô hình về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Thực hiện lồng ghép các nội dung đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào triển khai các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động.

9. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn xã.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội triển khai tập huấn các công nghệ mới, mô hình mới ứng dụng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.

10. Các thôn, Tổ Công nghệ số cộng đồng

Tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân tại thôn sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, kỹ năng số và các tiện ích số; ghi nhận nhu cầu, khó khăn để báo cáo UBND xã và đầu mối chuyên môn.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn xã Ngọc Lặc năm 2027, yêu cầu các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- TTr: Đảng ủy, HĐND xã (để b/c);
- MTTQ và các đoàn thể chính trị xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã (để t/h);
- Các thôn, Tổ công nghệ số cộng đồng (để t/h);
- Các doanh nghiệp trên địa bàn xã (để t/h);
- Lưu VT, VHXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ NGỌC LẶC T. THANH HÓA

Lê Ngọc Sơn

PHỤ LỤC I

DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ NGỌC LẶC NĂM 2027

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Ngọc Lặc)

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
1	Rà soát, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm 2027	Kế hoạch; danh mục nhiệm vụ	Quý I/2027	Phòng VHXH	Các đơn vị liên quan
2	Theo dõi, đôn đốc 34 nhiệm vụ liên quan Nghị quyết 57 và nhiệm vụ chuyển tiếp	Bảng theo dõi, báo cáo tiến độ	Định kỳ	Phòng VHXH	Các đơn vị được giao
3	Duy trì tài khoản, chữ ký số, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc điện tử	Danh sách/tình trạng sử dụng; báo cáo	Thường xuyên	VP HĐND-UBND	Các bộ phận
4	Nâng cao chất lượng tiếp nhận, số hóa và giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến	Số liệu hồ sơ; báo cáo; minh chứng	Thường xuyên	Trung tâm PVHCC	Các bộ phận liên quan
5	Rà soát, cập nhật, khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý	Danh mục dữ liệu; kết quả cập nhật	Thường xuyên	Các đơn vị chuyên môn	Phòng VHXH
6	Duy trì 22 tổ công nghệ số cộng đồng và tổ chức hướng dẫn thực hành	Kế hoạch/tài liệu; minh chứng hoạt động	Hằng quý	Phòng VHXH	22 tổ CNSC
7	Tập huấn kỹ năng số và AI cho cán bộ, công chức	Danh sách, tài liệu, kết quả tập huấn	Theo kế hoạch	Phòng VHXH	Các đơn vị liên quan
8	Rà soát an toàn thông tin, tài khoản, thiết bị và phần mềm	Biên bản/danh sách rà soát; báo cáo	Ít nhất 1 lần/năm và khi cần	VP HĐND-UBND	Đơn vị kỹ thuật/Công an xã
9	Hướng dẫn hộ kinh doanh, doanh nghiệp, HTX về nền tảng số và thanh toán số	Danh sách đối tượng; minh chứng hướng dẫn	Thường xuyên	Phòng Kinh tế	Phòng VHXH; Tổ CNSC
10	Tuyên truyền VNeID, dịch vụ công	Tin/bài; tài liệu; hình ảnh; báo cáo	Thường xuyên	Phòng VHXH	Công an xã; MTTQ; Tổ

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
	trực tuyến, thanh toán số, kỹ năng số				CNSC
11	Theo dõi mức độ hài lòng, phản ánh kiến nghị về dịch vụ số	Báo cáo tổng hợp; minh chứng xử lý	Định kỳ	Trung tâm PVHCC	VP HĐND-UBND; Phòng VHXH
12	Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả chuyển đổi số năm 2027	Báo cáo; bộ chỉ tiêu; hồ sơ minh chứng	Quý IV/2027	Phòng VHXH	Các đơn vị liên quan

PHỤ LỤC II

BỘ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ NGỌC LẶC NĂM 2027

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Ngọc Lặc)

Nhóm	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đánh giá	Mục tiêu 2027	Chủ trì	Thời gian	Minh chứng
I	Lãnh đạo, chỉ đạo	Ban hành kế hoạch CĐS năm 2027	01 kế hoạch	Phòng VHXH	Quý I	Kế hoạch được ký
I	Lãnh đạo, chỉ đạo	Nhiệm vụ được giao có đơn vị chủ trì, thời hạn, sản phẩm	100%	Phòng VHXH	Định kỳ	Bảng theo dõi
I	Lãnh đạo, chỉ đạo	Báo cáo tiến độ thực hiện đúng hạn	100%	Phòng VHXH	Định kỳ	Báo cáo
II	Chính quyền số	CBCC có tài khoản hệ thống dùng chung	100%	VP HĐND-UBND	Thường xuyên	Danh sách hệ thống
II	Chính quyền số	CBCC thuộc diện sử dụng chữ ký số cá nhân	100%	VP HĐND-UBND	Thường xuyên	Danh sách/chứng thư
II	Chính quyền số	Văn bản, hồ sơ đủ điều kiện xử lý điện tử	100%	VP HĐND-UBND	Thường xuyên	Số liệu hệ thống
II	Chính quyền số	Hồ sơ TTHC được số hóa theo quy định	100%	Trung tâm PVHCC	Thường xuyên	Số liệu hồ sơ
II	Chính quyền số	Hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	≥99%	Trung tâm PVHCC	Định kỳ	Báo cáo
III	Dữ liệu số	Dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được cập nhật theo yêu cầu	100%	Các đơn vị chuyên môn	Thường xuyên	Báo cáo/dữ liệu
III	Dữ liệu số	Báo cáo CĐS thực hiện trên môi trường điện tử	100%	Phòng VHXH	Định kỳ	Báo cáo
III	Dữ liệu số	Dữ liệu được đồng bộ theo hệ thống dùng chung	100% theo yêu cầu hệ thống	Đơn vị quản lý dữ liệu	Thường xuyên	Log/báo cáo

Nhóm	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đánh giá	Mục tiêu 2027	Chủ trì	Thời gian	Minh chứng
IV	Hạ tầng số	Máy tính phục vụ công việc được kết nối mạng	100%	VP HĐND-UBND	Thường xuyên	Danh sách thiết bị
IV	Hạ tầng số	Mạng LAN/Internet được rà soát, bảo đảm hoạt động	100% thời gian theo điều kiện kỹ thuật	VP HĐND-UBND	Thường xuyên	Biên bản/báo cáo
IV	Hạ tầng số	Thiết bị CNTT được rà soát, bảo trì	100%	VP HĐND-UBND	Ít nhất 1 lần/năm	Biên bản
V	Nhân lực số	CBCC được tập huấn kỹ năng số	100%	Phòng VHXH	Theo kế hoạch	Danh sách/tài liệu
V	Nhân lực số	CBCC được hướng dẫn AI phù hợp công việc	≥80%	Phòng VHXH	2027	Danh sách/tài liệu
V	Nhân lực số	Tổ công nghệ số cộng đồng duy trì hoạt động	22/22 tổ	Phòng VHXH	Hằng quý	Minh chứng hoạt động
V	Nhân lực số	Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân có nhu cầu	100% trường hợp được tiếp nhận	22 tổ CNSC	Thường xuyên	Sổ/phiếu/ảnh minh chứng
VI	An toàn thông tin	CBCC được tuyên truyền, hướng dẫn an toàn thông tin	100%	VP HĐND-UBND	Hằng năm	Danh sách/tài liệu
VI	An toàn thông tin	Tài khoản, thiết bị được rà soát	100%	VP HĐND-UBND	Định kỳ	Biên bản
VI	An toàn thông tin	Sự cố được tiếp nhận và xử lý/phối hợp xử lý	100%	Đơn vị phát hiện	Khi phát sinh	Biên bản/báo cáo
VII	Kinh tế số	Hộ kinh doanh, DN, HTX được hướng dẫn nền tảng số khi có nhu cầu	≥80% nhóm có nhu cầu	Phòng Kinh tế	Thường xuyên	Danh sách/minh chứng

Nhóm	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đánh giá	Mục tiêu 2027	Chủ trì	Thời gian	Minh chứng
VII	Kinh tế số	Hộ kinh doanh, DN, HTX được hướng dẫn thanh toán số khi có nhu cầu	≥80% nhóm có nhu cầu	Phòng Kinh tế	Thường xuyên	Danh sách/minh chứng
VII	Kinh tế số	Sản phẩm địa phương được hỗ trợ quảng bá trên môi trường số	Theo nhu cầu/khả năng	Phòng Kinh tế	2027	Minh chứng
VIII	Xã hội số	Người dân có nhu cầu được hướng dẫn VNeID	≥80% nhóm có nhu cầu	Công an xã	Thường xuyên	Danh sách/minh chứng
VIII	Xã hội số	Người dân có nhu cầu được hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến	≥80% nhóm có nhu cầu	Trung tâm PVHCC	Thường xuyên	Danh sách/minh chứng
VIII	Xã hội số	Người dân được tuyên truyền kỹ năng số cơ bản	≥80%	Phòng VHXH	Thường xuyên	Tin/bài/danh sách
VIII	Xã hội số	Người dân có nhu cầu được hỗ trợ tiện ích y tế, BHYT, an sinh xã hội	100% trường hợp có nhu cầu được tiếp nhận, hướng dẫn	Phòng VHXH	Thường xuyên	Minh chứng
IX	Tuyên truyền	Tin/bài về CĐS, KHCN, ĐMST	≥48 tin/bài/năm	Phòng VHXH/CƯDVC	Hằng tháng	Danh sách link/tin bài
IX	Tuyên truyền	Hoạt động tuyên truyền trực tiếp	≥4 hoạt động/năm	Phòng VHXH	Theo kế hoạch	Kế hoạch/hình ảnh
IX	Tuyên truyền	Mô hình/sáng kiến số có kết quả áp dụng	≥2 mô hình/sáng kiến	Phòng VHXH	2027	Hồ sơ mô hình
X	Hiệu quả phục vụ	Mức độ hài lòng về dịch vụ số/TTHC	≥95%	Trung tâm PVHCC	Định kỳ	Kết quả khảo sát
X	Hiệu quả phục	Phản ánh, kiến nghị về dịch vụ số được tiếp	100%	Đơn vị tiếp nhận	Khi phát sinh	Sổ/hệ thống

Nhóm	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đánh giá	Mục tiêu 2027	Chủ trì	Thời gian	Minh chứng
	vụ	nhận, xử lý/chuyển xử lý				
X	Hiệu quả phục vụ	Nhiệm vụ CĐS hoàn thành đúng hạn	≥95%	Phòng VHXH	Định kỳ	Bảng theo dõi